

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, thí sinh không đủ điều kiện
dự thi tuyển công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 524/TTr-SNV ngày 18/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, thí sinh không đủ điều kiện dự thi tuyển công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019; cụ thể như sau:

1. Thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức hành chính: 1.001 thí sinh (có Phụ lục 1 kèm theo).
2. Thí sinh không đủ điều kiện dự thi tuyển công chức hành chính: 10 thí sinh (có Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thông báo danh sách thí sinh tại Điều 1 Quyết định này; đồng thời, rà soát, đối chiếu danh sách các thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên, các thí sinh thuộc đối tượng được miễn môn thi ngoại ngữ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

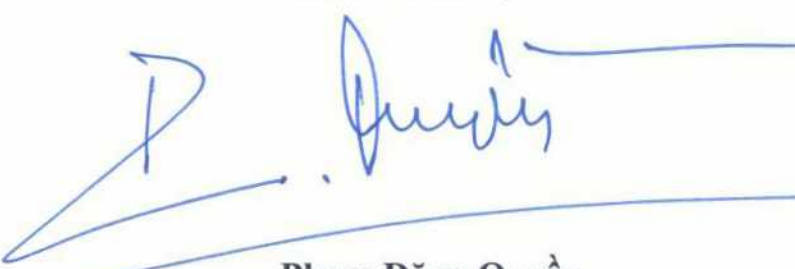
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 4412 /QĐ-UBND ngày 28 /10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục số 01

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng: 1.001												
A	Khối số, ban, ngành (547)											
I	Sở Y tế (31)											
1	Nguyễn Thị Hà	15/3/1990	Nữ	Mường	ĐH	Được sĩ ĐH	Quản lý nghiệp vụ được	16.2.4	Phòng Quản lý được	Người DTTS	Tiếng Anh	
2	Trần Thị Phương	20/10/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Được sĩ ĐH	Quản lý nghiệp vụ được	16.2.4	Phòng Quản lý được		Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị Thu	10/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Được sĩ ĐH	Quản lý nghiệp vụ được	16.2.4	Phòng Quản lý được		Tiếng Anh	
4	Trịnh Thị Nga	22/8/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Được sĩ ĐH	Quản lý nghiệp vụ được	16.2.4	Phòng Quản lý được		Tiếng Anh	
5	Nguyễn Thị Phương	18/7/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Được sĩ ĐH	Quản lý nghiệp vụ được	16.2.4	Phòng Quản lý được		Tiếng Anh	
6	Nguyễn Hải Anh	02/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
7	Nguyễn Thị Khánh Linh	25/02/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
8	Lê Tuấn Anh	19/5/1991	Nam	Kinh	ĐH	Luật học	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
9	Lê Thị Khánh Huyền	25/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
10	Nguyễn Thị Lan Anh	14/9/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
11	Mai Vũ Hoàng Anh	27/6/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
12	Hà Thị Thu Hiền	15/01/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
13	Lê Ngọc Huyền	01/6/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật học	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
14	Trịnh Thị Thanh	03/02/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế - lao động	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
15	Trần Anh Đức	20/10/1997	Nam	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
16	Lê Thị An Ngân	21/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
17	Trần Ngọc Lê	09/4/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
18	Tăng Nữ Tiểu Trang	15/8/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Luật học	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
19	Hoàng Thị Thủy Linh	18/02/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
20	Nguyễn Hải Anh	25/11/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Tiếng Anh	
21	Phùng Minh Hòa	03/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật Quốc tế	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ	Con TB	Tiếng Anh	
22	Nguyễn Đức Thành	03/01/1992	Nam	Kinh	ĐH	Điện tử - Viễn thông	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	16.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
23	Nguyễn Văn Tùng	18/4/1986	Nam	Kinh	ĐH	Điện tử - Viễn thông	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	16.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
24	Lê Thị Thanh Hải	01/02/1990	Nữ	Kinh	ThS	Quan hệ quốc tế	Hành chính tổng hợp	16.3.2	Văn phòng			Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
25	Nguyễn Mai Linh	01/9/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quan hệ quốc tế	Hành chính tổng hợp	16.3.2	Văn phòng	Con TB	Tiếng Anh	
26	Trịnh Thị Hồng Biên	15/01/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Bác sĩ y học dự phòng	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Tiếng Anh	
27	Vũ Minh Xuyên	20/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Bác sĩ y học dự phòng	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Tiếng Anh	
28	Trần Văn Huy	09/9/1993	Nam	Kinh	ĐH	Bác sĩ y học dự phòng	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Tiếng Anh	
29	Lê Thị Thu	02/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Bác sĩ y học dự phòng	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Tiếng Anh	
30	Lê Khánh Huyền	14/7/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Bác sĩ y học dự phòng	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Tiếng Anh	
31	Lê Duy Anh	26/3/1992	Nam	Kinh	ĐH	Bác sĩ y học dự phòng	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Tiếng Anh	
II	Sở Giao thông vận tải (19)											
32	Lê Việt Hưng	30/7/1991	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	7.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
33	Đỗ Anh Tuấn	24/7/1993	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật phần mềm	Công nghệ thông tin	7.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
34	Phạm Thanh Long	13/02/1978	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật điện tử viễn thông	Công nghệ thông tin	7.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
35	Bùi Đình Văn	24/01/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
36	Nguyễn Văn Ngọc	02/6/1994	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
37	Nguyễn Văn Vũ	25/11/1987	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng công trình cầu đường	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
38	Nguyễn Văn Nam	19/3/1990	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu hầm	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông	Con của người HDKC bị nhiễm chất độc HH	Tiếng Anh	
39	Trần Cảnh Trường	03/6/1987	Nam	Kinh	ThS	Xây dựng cầu hầm	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
40	Hoàng Vũ Thạo	06/4/1988	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
41	Bùi Anh Dũng	20/3/1986	Nam	Mường	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
42	Trần Mạnh Hùng	13/11/1983	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu hầm	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
43	Đặng Trường Sơn	02/3/1995	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình GT	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Tiếng Anh	
44	Lê Quốc Bảo	09/5/1986	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế vận tải	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Tiếng Anh	
45	Trương Thị Hà	28/12/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Vận tải-Kinh tế đường bộ và TP	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Tiếng Anh	
46	Mai Văn Phương	14/4/1979	Nam	Kinh	ĐH	Thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải	Con của người HDKC bị nhiễm chất độc HH	Tiếng Anh	
47	Nguyễn Xuân Việt	11/01/1992	Nam	Kinh	ĐH	Vận hành, khai thác máy tàu thủy	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
48	Trần Nam Hải	27/10/1978	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế vận tải	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Tiếng Anh	
49	Phạm Thị Hiếu	25/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Vận tải-Kinh tế đường bộ và TP	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Tiếng Anh	
50	Mai Văn An	12/10/1992	Nam	Kinh	ĐH	Máy tàu thủy	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Tiếng Anh	
III Sở Xây dựng (04)												
51	Trần Hà Nam	16/10/1986	Nam	Kinh	ĐH	Tin học Kinh tế	Công nghệ thông tin	8.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
52	Lưu Tùng Dương	18/6/1976	Nam	Kinh	ĐH	Tin học	Công nghệ thông tin	8.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
53	Nguyễn Thúy Quỳnh	24/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	8.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
54	Lê Đình Hải	04/4/1994	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	8.3.5	Văn phòng		Tiếng Anh	
IV Sở Công thương (03)												
55	Nguyễn Thành Dương	25/8/1993	Nam	Kinh	ĐH	Hệ thống điện	Quản lý năng lượng	9.2.6	Phòng Quản lý điện năng		Tiếng Anh	
56	Nguyễn Hữu Thọ	10/4/1991	Nam	Kinh	ĐH	Hệ thống điện	Quản lý năng lượng	9.2.6	Phòng Quản lý điện năng		Tiếng Anh	
57	Lê Ngọc Trung	08/02/1989	Nam	Kinh	ĐH	Hệ thống điện	Quản lý năng lượng	9.2.6	Phòng Quản lý điện năng		Tiếng Anh	
V Sở Nông nghiệp và PTNT (357)												
58	Lê Thanh Hà	19/5/1983	Nam	Kinh	ĐH	Thủ y	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	12.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính			Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
59	Mai Văn Lực	28/12/1968	Nam	Mường	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	12.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Người DTTS	Tiếng Anh	
60	Nguyễn Việt Nguyên	05/7/1987	Nam	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	12.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
61	Lê Thị Linh Mai	18/7/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế phát triển	Hành chính tổng hợp	12.3.2	Văn phòng		Tiếng Anh	
62	Nguyễn Thị Thủy Linh	10/8/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Ngữ văn	Hành chính tổng hợp	12.3.2	Văn phòng		Tiếng Anh	
63	Đỗ Hoàng Tuấn	12/10/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế	Hành chính tổng hợp	12.3.2	Văn phòng		Tiếng Anh	
64	Nguyễn Thị Hoa	13/3/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
65	Lê Thủy Linh	08/5/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
66	Phạm Thế Quân	14/01/1997	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
67	Nguyễn Thị Oanh	01/4/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
68	Trịnh Thị Hoa	10/9/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Bảo quản chế biến nông sản	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
69	Nguyễn Trọng Tín	21/10/1989	Nam	Kinh	ĐH	Bảo quản chế biến nông sản	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn	Con TB		Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
70	Lương Khắc Mạnh	07/9/1983	Nam	Kinh	ThS	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biển và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn	Con BB		Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
71	Nguyễn Thị Ngọc Trang	24/11/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biển và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn			Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
72	Vũ Như Quỳnh	03/9/1983	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh - Quản trị doanh nghiệp	Quản lý chế chế biển và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
73	Đào Công Sơn	14/6/1991	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biển và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
74	Vô Duy Hưng	01/01/1985	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biển và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
75	Lê Duy Thánh	30/12/1992	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý chế chế biển và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
76	Trần Linh Chi	20/7/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Kiến trúc	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư	12.2.21	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
77	Cao Hoàng Sơn	07/7/1995	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật giao thông đường bộ	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư	12.2.21	Chi cục Phát triển nông thôn		Tiếng Anh	
78	Vũ Thanh Tùng	17/5/1987	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật tàu thủy	Quản lý và khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	12.2.18	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Tiếng Anh	
79	Ngô Quang Tùng	14/10/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ nghề cá	12.2.19	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Tiếng Anh	
80	Lê Hồng Hải	26/3/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật tàu thủy	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ nghề cá	12.2.19	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Tiếng Anh	
81	Nguyễn Nhật Linh	02/8/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ dê điều	12.2.22	Chi cục Dê điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
82	Nguyễn Văn Ngọc	19/8/1989	Nam	Kinh	ThS	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	Quản lý, bảo vệ dê điều	12.2.22	Chi cục Dê điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
83	Nguyễn Trường Giang	16/4/1995	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình biển	Quản lý, bảo vệ dê điều	12.2.22	Chi cục Dê điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
84	Nguyễn Việt Đức	30/01/1996	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình biển	Quản lý, bảo vệ dê điều	12.2.22	Chi cục Dê điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
85	Lê Văn Hải	09/9/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ dê điều	12.2.22	Chi cục Dê điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
86	Hoàng Tiến	31/10/1995	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ dê điều	12.2.22	Chi cục Dê điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
87	Vũ Bá Minh	04/11/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
88	Chu Thị Kim Oanh	13/01/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
89	Lê Quang Huy	25/7/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
90	Nguyễn Thị Trang	06/10/1992	Nữ	Kinh	ThS	Kỹ thuật môi trường	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
91	Hoàng Ngọc Sơn	12/8/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
92	Hoàng Thị Hạnh	23/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật môi trường	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
93	Nguyễn Như Đạt	16/10/1996	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	Quản lý, bảo vệ đề điều	12.2.22	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão		Tiếng Anh	
94	Lê Thanh Tùng	13/5/1991	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
95	Lê Văn Sơn	02/3/1988	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
96	Lê Đông	05/6/1986	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
97	Hoàng Huy Phúc	12/02/1988	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
98	Đỗ Xuân Lâm	27/6/1986	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
99	Lê Đình Mạnh	11/6/1980	Nam	Kinh	ThS	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
100	La Thế Hải	20/7/1987	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
101	Đỗ Công Nương	27/10/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
102	Lê Trung Đông	30/3/1991	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
103	Nguyễn Duy Khải	03/10/1987	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
104	Lê Xuân Mười	10/8/1979	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
105	Nguyễn Đăng Hay	15/6/1989	Nam	Kinh	ThS	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
106	Nguyễn Việt Nam	27/02/1988	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
107	Nguyễn Ngọc Anh	19/6/1986	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
108	Lê Ngọc Long	20/4/1972	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
109	Nguyễn Hữu Quân	01/9/1990	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
110	Cao Bá Kết	11/7/1986	Nam	Mường	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Tiếng Trung	
111	Phùng Tuấn Dũng	09/3/1996	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
112	Nguyễn Thế Tinh	02/9/1981	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
113	Hà Mạnh Cường	02/11/1995	Nam	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
114	Nguyễn Tấn Minh	22/02/1982	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
115	Phạm Văn Đức	15/9/1989	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
116	Nguyễn Văn Lợi	12/5/1994	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
117	Hà Văn Mạnh	01/10/1986	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Hoàn thành nghĩa vụ QS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
118	Nguyễn Văn Dương	10/02/1987	Nam	Kinh	ThS	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
119	Lê Kim Chiến	04/9/1987	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
120	Phạm Văn Hải	19/10/1997	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
121	Lê Ngọc Thiện	01/3/1983	Nam	Thổ	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
122	Hà Văn Quý	22/4/1985	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con nạn nhân chất độc da cam		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
123	Lê Thị Tuyền	02/7/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
124	Phạm Thị Thanh Huyền	08/5/1987	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
125	Dương Đình Sơn	12/3/1979	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
126	Hà Văn Hòa	30/11/1996	Nam	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
127	Lò Văn Đua	15/9/1993	Nam	Mường	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
128	Phạm Văn Hiến	28/12/1979	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
129	Trịnh Tuấn Thăng	18/02/1994	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
130	Hà Quốc Bảo	24/3/1994	Nam	Kinh	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
131	Nguyễn Thị Phương	21/3/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
132	Nguyễn Văn Kiệt	12/7/1996	Nam	Kinh	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
133	Ngô Thị Mai	10/10/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
134	Phạm Thị Khuyên	28/10/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
135	Vì Văn Nhất	07/10/1994	Nam	Thái	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
136	Lê Quỳnh Mai	08/02/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
137	Đỗ Thị Phi Yến	28/01/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
138	Lê Thị Phương	17/12/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
139	Nguyễn Thị Tú Uyên	13/8/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
140	Nguyễn Thị Thảo	20/10/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
141	Trương Thị Thu Hằng	19/6/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
142	Lê Công Tuyển	05/4/1993	Nam	Thổ	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
143	Nguyễn Văn Hiệp	21/6/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
144	Nguyễn Văn Thắng	25/12/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
145	Nguyễn Đình Luân	18/7/1990	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miền thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
146	Thao Thị Bềnh	03/5/1995	Nữ	Mông	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
147	Hoàng Anh Chiến	05/12/1992	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
148	Phạm Văn Châu	16/3/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
149	Lê Văn Tú	03/02/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
150	Lê Văn Tùng	19/8/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
151	Hoàng Anh Tuấn	01/5/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
152	Mai Văn Cường	20/5/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
153	Lê Thị Trang	29/11/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
154	Nguyễn Việt Danh	03/8/1991	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
155	Lê Thế Trọng	26/6/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
156	Nguyễn Ngoại Giao	20/11/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
157	Vũ Văn Chính	25/7/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
158	Hồ Văn Cường	04/02/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
159	Thao Vân Chênh	09/01/1996	Nam	Mông	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
160	Nguyễn Đình Tuyển	08/10/1983	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
161	Hà Hoàn Vũ	23/7/1996	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
162	Bùi Ngọc Nam	20/9/1994	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
163	Nguyễn Đặng Trường	05/6/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
164	Lương Văn Tiệp	07/4/1995	Nam	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
165	Cao Văn Hải	20/6/1993	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
166	Hà Thị Hằng Hương	15/4/1996	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
167	Lê Phan Tiên	19/01/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
168	Lê Văn Nam	20/8/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
169	Nguyễn Quốc Lâm	01/02/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
170	Hắc Huy Thành	01/02/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
171	Nguyễn Hoàng Văn	10/01/1989	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
172	Vũ Văn Dũng	23/8/1990	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
173	Nguyễn Phước Nghĩa	19/7/1991	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
174	Lê Xuân Ngọc	04/5/1981	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
175	Trịnh Văn Thơm	21/4/1982	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
176	Thiều Anh Tuấn	02/3/1983	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
177	Phạm Văn Hoạt	05/9/1990	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
178	Vũ Ngọc Kiên	09/5/1985	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
179	Quách Mạnh Cường	25/6/1990	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
180	Lô Hải Dương	31/8/1990	Nam	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS; Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
181	Phạm Thị Châm Anh	15/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam
182	Phạm Minh Vương	11/10/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
183	Mai Như Phượng	17/10/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
184	Đinh Thị Huyền	07/9/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
185	Lê Huy Tuấn Anh	20/8/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
186	Trương Thị Minh	09/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
187	Lê Thị Nhung	09/9/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
188	Trần Chi Thành	12/8/1989	Nam	Kinh	ĐH	Khuyến Nông và PTNT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
189	Bùi Thị Thám	23/5/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Khuyến Nông và PTNT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
190	Phạm Văn Biên	02/9/1989	Nam	Kinh	ĐH	Khuyến Nông và PTNT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
191	Phạm Bà Liêm	01/11/1989	Nam	Kinh	ĐH	Khuyến Nông và PTNT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
192	Lê Ngọc Vương	30/12/1995	Nam	Kinh	ĐH	Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
193	Lưu Trọng Nam	06/5/1990	Nam	Kinh	ĐH	Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
194	Lương Thị Khuê	14/02/1995	Nữ	Thái	ĐH	Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
195	Lục Văn Luật	05/9/1992	Nam	Thái	ĐH	Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
196	Cao Thị Oanh	15/8/1995	Nữ	Thái	ĐH	Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
197	Thiều Thị Thu Thủy	29/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế lao động	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
198	Lê Thị Hiền	04/4/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
199	Nguyễn Đình Cường	03/9/1986	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
200	Hà Thị Ly	22/4/1994	Nữ	Mường	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
201	Nguyễn Thị Trang	10/5/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
202	Nguyễn Thị Thúc	09/9/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
203	Nguyễn Thị Hương	17/5/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
204	Mai Thị Hải Yến	21/10/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
205	Đỗ Thành Trung	09/02/1988	Nam	Kinh	ThS	Quản lý kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
206	Trương Minh Thông	05/4/1990	Nam	Kinh	ThS	Quản lý kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
207	Ngân Thị Vượng	21/10/1989	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
208	Lê Thanh Châu	06/01/1990	Nam	Kinh	ThS	Quản lý kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
209	Lê Thị Hằng	15/10/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp đô thị	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
210	Lê Văn Nhân	24/01/1988	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp đô thị	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
211	Lương Văn Hiền	10/4/1981	Nam	Kinh	ĐH	Chế biến lâm sản	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
212	Lê Ích Cường	12/10/1985	Nam	Kinh	ĐH	Chế biến lâm sản	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
213	Phan Quang Tân	25/4/1984	Nam	Kinh	ĐH	Cơ giới hóa Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
214	Lê Bá Hưng	29/01/1982	Nam	Kinh	ĐH	Cơ giới hóa Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
215	Phạm Văn Tiếp	17/3/1984	Nam	Kinh	ĐH	Bảo vệ thực vật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
216	Nguyễn Thị Linh	24/7/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Bảo vệ thực vật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
217	Trần Thị Duyên	02/11/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Bảo vệ thực vật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Tiếng Anh	
218	Phạm Anh Thiện	20/10/1994	Nam	Thái	ĐH	Bảo vệ thực vật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
219	Vũ Thị Hà My	23/7/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Bảo vệ thực vật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
220	Hoàng Thị Hà	12/02/1992	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
221	Hà Thủy Biển	03/02/1992	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
222	Tạ Thị Nga	07/4/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
223	Nguyễn Thị Linh	08/7/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
224	Nguyễn Văn Lợi	15/12/1984	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
225	Lê Đức Anh	30/3/1994	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
226	Lê Quang Lục	07/11/1985	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
227	Ninh Thị Nhung	09/11/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
228	Đỗ Phương Thủy	15/4/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
229	Đoàn Thị Trang	16/4/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
230	Trần Nhật Anh	14/8/1994	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
231	Lê Thị Vân	06/3/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
232	Hà Thị Hồng	02/12/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
233	Trịnh Thị Ngọc Trâm	12/01/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
234	Đỗ Thị Hoài	23/8/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
235	Nguyễn Hữu Trung	20/11/1997	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
236	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
237	Nguyễn Thị Tươi	20/9/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
238	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/11/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
239	Phí Đức Quân	22/6/1983	Nam	Kinh	ĐH	Luật hình sự	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
240	Đỗ Ngọc Dung	29/6/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
241	Mai Văn Thắng	05/6/1991	Nam	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
242	Lương Hữu Tiến	09/6/1980	Nam	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
243	Nguyễn Sỹ Khoa	16/10/1996	Nam	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
244	Lê Hoàng Khải	19/11/1982	Nam	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
245	Phạm Thị Hoài Phương	03/12/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
246	Lê Như Quỳnh	08/10/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
247	Lê Huyền Trang	19/11/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật Thương mại	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
248	Hồ Thị Hằng	12/11/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
249	Phạm Thị Hảo	10/3/1995	Nữ	Thái	ĐH	Hành chính học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
250	Lê Thị Dung	20/8/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Hành chính học	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
251	Trần Thị Thanh Huyền	21/10/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
252	Tổng Quốc Dương	23/12/1993	Nam	Kinh	ĐH	Nông lâm kết hợp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
253	Lê Bảo Thành	05/8/1988	Nam	Kinh	ĐH	Nông lâm kết hợp	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
254	Nguyễn Hữu Tiến	02/9/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế quốc tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
255	Nguyễn Thương Huyền	01/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế quốc tế	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
256	Nguyễn Thị Dung	22/6/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế thương mại	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
257	Nguyễn Thế Cung	05/9/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế thương mại	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
258	Phan Thị Trang	15/9/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
259	Phùng Hoàng Long	24/5/1988	Nam	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
260	Nguyễn Thị Thanh	01/9/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
261	Lê Thị Hoài Linh	29/01/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
262	Nguyễn Thị Tú	22/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
263	Trịnh Thị Hồng	23/10/1983	Nữ	Kinh	ThS	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
264	Nông Thị Hồng	29/4/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
265	Nguyễn Thị Nhung	14/6/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
266	Nguyễn Hoàng Long	19/12/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
267	Hoàng Minh Thu	28/9/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
268	Trịnh Anh Dũng	07/10/1990	Nam	Kinh	ThS	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
269	Mai Văn Thanh	22/10/1990	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm			Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
270	Mai Thị Thu Loan	22/9/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Trung	
271	Mai Thị Nguyệt	02/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
272	Nguyễn Thị Mai	25/02/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
273	Đỗ Thị Mai	28/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
274	Trần Đình Bình	15/9/1988	Nam	Kinh	ThS	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Hoàn thành nghĩa vụ QS	Tiếng Anh	
275	Nguyễn Thị Trung	14/02/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
276	Lê Thị Thu	12/02/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
277	Phạm Thị Thủy	04/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
278	Lê Thị Huyền	28/02/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
279	Đỗ Thị Huyền	01/8/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
280	Dương Thị Thu	01/5/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
281	Trần Văn Năm	20/6/1983	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Hoàn thành nghĩa vụ QS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
282	Vũ Thanh Hiền	20/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
283	Lê Thị Hương	22/12/1985	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
284	Dương Thị Tâm	01/01/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
285	Lê Phạm Đại Linh	20/8/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
286	Doãn Thị Thủy	23/7/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
287	Lê Thị Hạnh	20/12/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
288	Vũ Thị Hồng Thơ	06/5/1985	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
289	Lê Thị Trang	13/9/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
290	Trương Thị Thủy	18/5/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
291	Vũ Thị Hồng Ngọc	24/01/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
292	Vũ Thị Hồng	22/5/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
293	Lê Kiều Oanh	20/12/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
294	Nguyễn Thị Thủy Trang	08/4/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
295	Trương Thị Minh Hằng	20/8/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
296	Ngô Thị Minh Trang	05/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
297	Nguyễn Việt Linh	24/5/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
298	Nguyễn Thị Toán	18/10/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
299	Trịnh Thị Huệ	10/02/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
300	Bùi Ngọc Sơn	19/11/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
301	Vũ Thị Duyên	06/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
302	Lại Thị Thu Hằng	20/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
303	Đinh Ngọc Phương	29/11/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
304	Đỗ Thị Hồng	04/10/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
305	Cao Thị Hằng	14/3/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
306	Vũ Thị Linh Hằng	26/02/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
307	Ngô Cảnh Tùng	26/4/1993	Nam	Mường	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Tiếng Anh	
308	Lê Thị Nương	23/11/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
309	Vũ Thanh Nhân	06/11/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
310	Lê Thị Thu Hà	06/8/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
311	Lê Ngọc Túng	31/5/1987	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
312	Trần Thị Thùy Linh	25/3/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
313	Lê Thị Thu Huyền	21/7/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
314	Trịnh Việt Thắng	04/9/1993	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
315	Nguyễn Lê Anh	07/3/1993	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
316	Lê Thị Thu Trang	08/02/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
317	Nguyễn Hà Phương	01/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
318	Lê Phương Thảo	01/5/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
319	Nguyễn Thanh Hiền	10/7/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
320	Lê Thủy Dung	27/11/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
321	Hồ Đình Vương	15/02/1992	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam
322	Phạm Thị Hồng Như	22/5/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
323	Nguyễn Hải Yến	29/8/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
324	Đỗ Thị Mai	11/02/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Tiếng Anh	
325	Vũ Thanh Mai	28/8/1985	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
326	Lê Thị Phương Lan	01/6/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
327	Phạm Hải Hà	29/3/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
328	Lương Tuấn Anh	17/10/1995	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
329	Lê Thị Linh	10/5/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
330	Nguyễn Thị Hồng	12/11/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Tiếng Anh	
331	Bùi Thị Lan Anh	01/9/1988	Nữ	Mường	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTNN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
332	Hà Thị Nhịp	07/8/1997	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.18	Ban quản lý Khu BTNN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
333	Phạm Mạnh Hùng	21/12/1993	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
334	Hà Văn Linh	25/9/1994	Nam	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
335	Trương Việt Hợp	05/02/1989	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
336	Lê Huy Tùng	15/5/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
337	Vì Thế Hoàng	04/10/1995	Nam	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
338	Nguyễn Văn Quân	20/5/1983	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý TNR và Môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
339	Lương Anh Tuấn	15/3/1990	Nam	Mường	ĐH	Quản lý TNR và Môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
340	Trương Bình Khánh	15/01/1989	Nam	Mường	ĐH	Quản lý TNR và Môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
341	Mai Văn Quang	24/8/1989	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý TNR và Môi trường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
342	Lương Thị Tịnh	20/9/1995	Nữ	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
343	Hà Thị Tâm	02/7/1994	Nữ	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
344	Vũ Văn Đạt	01/12/1993	Nam	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
345	Ngân Văn Tái	16/6/1995	Nam	Mường	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS; Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
346	Tào Văn Khoa	20/10/1990	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
347	Nguyễn Việt Thành	15/5/1991	Nam	Kinh	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
348	Nguyễn Thị Thu	15/8/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Tiếng Anh	
349	Nguyễn Văn Chung	02/4/1984	Nam	Kinh	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
350	Hà Văn Huỳnh	09/9/1981	Nam	Thái	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
351	Phạm Thị Hồng Hải	11/02/1996	Nữ	Mường	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
352	Triệu Quốc Đạt	22/01/1992	Nam	Dao	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
353	Hà Thị Diễm	03/6/1994	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý đất đai	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
354	Nguyễn Ngọc Ánh	09/7/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán Tài chính	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam
355	Lê Như Hoàng	04/3/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán Tài chính	Kiểm lâm	12.2.17	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
356	Bùi Văn Tuyển	20/11/1991	Nam	Mường	ĐH	Luật	Pháp chế	12.2.29	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
357	Hoàng Thị Hoài	04/6/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Hành chính Tổng hợp	12.3.2	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
358	Lê Thị Thanh Thủy	01/12/1983	Nữ	Kinh	ĐH	Tiếng Anh	Hành chính Tổng hợp	12.3.2	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
359	Nguyễn Ngọc Nguyễn	11/5/1990	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
360	Lê Xuân Phong	25/5/1988	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và MT	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
361	Lê Văn Quỳnh	03/10/1989	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
362	Lê Hùng Đức	26/11/1995	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
363	Nguyễn Đình Dũng	12/5/1989	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
364	Lương Quốc Tú	03/7/1995	Nam	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
365	Hà Văn Hành	16/8/1993	Nam	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
366	Hà Xuân Chiến	15/8/1996	Nam	Kinh	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
367	Lê Hùng Cường	31/10/1995	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
368	Vĩ Văn Mạnh	23/01/1996	Nam	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
369	Hà Thị Liễu	06/10/1995	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
370	Phạm Văn Thiện	25/8/1994	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
371	Bùi Hồng Linh	02/12/1990	Nam	Thái	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
372	Phạm Thị Thanh Lam	24/4/1995	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
373	Trương Văn Tuấn	06/7/1991	Nam	Mường	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
374	Bùi Thanh Hoài	04/9/1988	Nam	Thái	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
375	Lộc Văn Mai	02/01/1995	Nam	Thái	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
376	Hồ Việt Hà	19/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
377	Lô Thị Lan Phương	23/3/1995	Nữ	Thái	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
378	Phạm Thị Diệu Linh	15/11/1996	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
379	Hà Minh Phương	12/3/1992	Nam	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
380	Lục Thị Ánh Tuyết	02/9/1995	Nữ	Thái	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
381	Trương Văn Luân	24/9/1992	Nam	Mường	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
382	Vì Văn Sao	22/7/1984	Nam	Thái	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
383	Hà Thị Thủy Dung	11/12/1993	Nữ	Thái	ĐH	Luật học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
384	Nguyễn Mậu Hiệp	05/12/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
385	Nguyễn Thị Hậu	02/11/1993	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
386	Cao Hoài Thu	16/9/1991	Nữ	Mường	ĐH	Kế toán	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS; Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
387	Hà Thánh Đạt	16/01/1994	Nam	Mường	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
388	Nguyễn Tiến Dũng	30/6/1993	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Tiếng Anh	
389	Lương Văn Khởi	20/01/1988	Nam	Thái	ĐH	Khuyến nông và phát triển nông thôn	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS; Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
390	Va Dị Lệnh	15/4/1982	Nam	H'Mông	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
391	Hà Văn Tú	10/01/1995	Nam	Thái	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
392	Phạm Văn Phương	20/3/1992	Nam	Thái	ĐH	Nông học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
393	Lê Hữu Tiến	26/9/1989	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Tiếng Anh	
394	Lê Thị Trang	07/6/1987	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
395	Nguyễn Mậu Toàn	14/12/1984	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
396	Ngô Xuân Minh	08/11/1985	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Con BB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
397	Lê Quang Đạo	19/02/1988	Nam	Kinh	ĐH	Lâm học	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên		Tiếng Anh	
398	Hoàng Văn Tuyên	04/6/1993	Nam	Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
399	Đỗ Trọng Hường	22/3/1986	Nam	Kinh	ThS	Khoa học cây trồng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
400	Trương Văn Học	18/01/1993	Nam	Thái	ĐH	Khoa học cây trồng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
401	Nguyễn Quang Duy	28/3/1995	Nam	Kinh	ĐH	Lâm sinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
402	Trần Thị Tú	02/02/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm học	Theo dõi sử dụng và phát triển rừng	12.2.13	Chi cục Lâm nghiệp	Con BB	Tiếng Anh	
403	Phạm Thị Hằng Nga	10/4/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	12.2.25	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản		Tiếng Anh	
404	Cao Văn Hào	20/10/1995	Nam	Kinh	ĐH	Chăn nuôi	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	12.2.25	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
405	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Chăn nuôi (Chăn nuôi - thú y)	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	12.2.25	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản		Tiếng Anh	
406	Trương Hồng Sơn	08/02/1995	Nam	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
407	Nguyễn Viết Dương	05/5/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
408	Nguyễn Hồng Vân	20/4/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế phát triển	Kiểm lâm	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En		Tiếng Anh	
409	Trịnh Minh Việt	16/5/1987	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En		Tiếng Anh	
410	Nguyễn Văn Cường	25/4/1982	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Pháp chế	12.2.29	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
411	Hàn Hà Nam	07/02/1995	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Pháp chế	12.2.29	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En		Tiếng Anh	
412	Lô Thị Lệ	15/3/1992	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Pháp chế	12.2.29	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
413	Lê Thành Đạt	22/01/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Hành chính tổng hợp	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	Con TB		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
414	Đào Thị Thắm	24/4/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Lâm học	Hành chính tổng hợp	12.3.2	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En		Tiếng Anh	
VI	Sở Thông tin và Truyền thông (02)											
415	Đỗ Hữu Đạt	21/4/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	13.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
416	Nguyễn Ánh Hồng	05/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	13.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
VII	Sở Lao động - TB & NH (37)											
417	Mai Thị Hiền	22/02/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Thống kê	17.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
418	Trịnh Mai Phương	08/6/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Thống kê	17.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
419	Đoàn Thị Thoa	22/8/1986	Nữ	Kinh	ThS	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Thống kê	17.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
420	Hoàng Khanh Huyền	07/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Thống kê	17.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
421	Nguyễn Anh Trường	02/01/1986	Nam	Kinh	ThS	Quản lý kinh tế	Quản lý Kế hoạch - Thống kê	17.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Tiếng Anh	
422	Lê Nguyễn Trọng Xuân	05/11/1989	Nam	Kinh	ĐH	Bảo hiểm	Hành chính tổng hợp	17.3.2	Văn phòng		Tiếng Anh	
423	Nguyễn Thị Thủy	07/12/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Bảo hiểm	Hành chính tổng hợp	17.3.2	Văn phòng		Tiếng Anh	
424	Lê Thị Tuyết Hoa	30/3/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
425	Đỗ Thị Dung	10/8/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý nguồn nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
426	Hoàng Văn Tài	27/02/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
427	Đỗ Văn Nhất	31/8/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
428	Lê Đức Anh	26/11/1987	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý nguồn nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
429	Lê Thị Hồng Nhung	30/7/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
430	Nguyễn Minh Trang	31/01/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
431	Lê Đình Vương	25/6/1982	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Tiếng Anh	
432	Lê Thị Thu	23/12/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
433	Lê Thị Linh	18/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
434	Phan Thị Hồng Nhung	20/10/1985	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
435	Mai Văn Hưng	12/01/1992	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm	Con TB	Tiếng Anh	
436	Nguyễn Thị Hải Yến	05/10/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm	Con TB	Tiếng Anh	
437	Lê Thùy Linh	27/8/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
438	Lê Thị Thùy Linh	23/10/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
439	Nguyễn Thanh Huyền	23/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
440	Ngô Việt Anh	29/4/1992	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
441	Nguyễn Thị Thùy	10/10/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
442	Nguyễn Phương Thảo	28/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
443	Lê Quỳnh Mai	10/5/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
444	Mai Thị Hoan	02/3/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
445	Trương Sơn Anh	19/12/1996	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
446	Nguyễn Thu Trang	29/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
447	Lưu Ngọc Hân	21/02/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
448	Trần Thị Quỳnh Trang	26/02/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
449	Lê Huyền Trang	13/6/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
450	Nguyễn Ngọc Anh	20/8/1988	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
451	Lê Thị Thu Hiền	10/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
452	Lê Thị Hồng	15/11/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	
453	Lê Minh Oanh	11/01/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
VIII	Ban QL Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu CN (60)											
454	Nguyễn Thị Thùy Trang	05/9/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
455	Lê Minh Quý	19/5/1993	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
456	Trịnh Thị Dung	07/4/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
457	Mai Quỳnh Mai	20/5/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
458	Nguyễn Văn Tùng	11/10/1996	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
459	Đậu Thị Long	14/02/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
460	Nguyễn Minh Dũng	20/10/1988	Nam	Kinh	ĐH	Hành chính học - Quản lý công	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
461	Nguyễn Thanh Huyền	04/8/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học quản lý nhà nước	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
462	Trần Thị Chung	08/8/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước - Quản lý và tổ chức nhân sự	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Tiếng Anh	
463	Trần Thị Hiền	02/5/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán tổng hợp - Kế toán	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Con BB	Tiếng Anh	
464	Hồ Anh Tuấn	17/02/1991	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng - Quản lý Tài chính công	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
465	Lê Thị Hồng	20/10/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Hành chính học - Tổ chức quản lý và nhân sự	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
466	Trịnh Quỳnh Trang	11/02/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế - Kinh tế đối ngoại	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
467	Lê Thị Văn	18/9/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
468	Phùng Thị Lái	20/5/1985	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Kế toán	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
469	Trịnh Trọng Khoa	07/9/1992	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng - Tài chính	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
470	Lương Thị Nhu	10/10/1997	Nữ	Thái	ĐH	Luật Kinh tế	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Người DTTS	Tiếng Anh	
471	Phạm Thị Minh Thư	22/8/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế - Kinh tế đối ngoại	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
472	Lê Đức Phúc	01/12/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế - Kinh tế đối ngoại	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Con TB	Tiếng Anh	
473	Phạm Thu Thảo	28/10/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Ngôn ngữ Nhật	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
474	Lê Anh Tuấn	12/10/1991	Nam	Kinh	ĐH	Tiếng Anh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
475	Mai Thị Ngọc Trâm	02/02/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán - Kế toán doanh nghiệp	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
476	Lê Thị Huệ	08/6/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế - Kinh tế phát triển	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Tiếng Anh	
477	Lưu Thị Thu Hà	28/8/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Tiếng Anh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
478	Lê Huy Hòa	25/12/1986	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
479	Hứa Duy Hòa	05/7/1984	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường - Xây dựng đường bộ	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
480	Lê Duy Trung	15/7/1983	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường - Xây dựng cầu đường bộ	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
481	Đặng Quang Hưng	25/12/1995	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng - Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
482	Nguyễn Ngọc Đức	28/8/1993	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Công trình giao thông công chính	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
483	Cao Trung Kiên	24/6/1990	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
484	Nguyễn Văn Tuấn Anh	09/12/1993	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình - Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
485	Trần Thành Chung	11/10/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý xây dựng - Kinh tế xây dựng	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
486	Bùi Đức Long	30/9/1979	Nam	Mường	ĐH	Xây dựng cầu đường - Xây dựng cầu đường bộ	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
487	Lê Gia Quý	16/9/1980	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng - Cảng đường thủy	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Tiếng Anh	
488	Đặng Nhật Quang	02/3/1988	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
489	Hoàng Trường	12/12/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kiến trúc	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Tiếng Anh	
490	Lê Đức Anh	18/9/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kiến trúc - Kiến trúc công trình	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Tiếng Anh	
491	Nguyễn Ngọc Hải	09/3/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kiến trúc công trình	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Tiếng Anh	
492	Lương Tú Huy	26/10/1985	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật môi trường đô thị - Kỹ sư đô thị	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Tiếng Anh	
493	Phạm Văn Giáp	14/5/1988	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật môi trường - Đô thị	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Tiếng Anh	
494	Dương Văn Quảng	06/9/1980	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Tiếng Anh	
495	Lê Thị Hoa	18/11/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh	
496	Nguyễn Thị Thu Hương	06/8/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh	
497	Nguyễn Anh Hải	30/12/1986	Nam	Kinh	ThS	Quản trị kinh doanh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh	
498	Lê Thị Thu Trang	14/10/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh	
499	Khương Hữu Hải	01/12/1991	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chỉ cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
500	Lê Thị Dung	20/9/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Ngôn ngữ Anh -Tiếng Anh, Tài chính kế toán	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
501	Lê Thị Mai Hương	03/10/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế - Thương mại quốc tế	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh	
502	Lê Tuấn Anh	07/4/1993	Nam	Kinh	ĐH	Khoa học Quản lý - Quản trị doanh nghiệp	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
503	Vũ Mai Anh	21/01/1992	Nữ	Kinh	ThS	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư			Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
504	Vũ Hương Giang	18/9/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Tiếng Anh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
505	Nguyễn Thị Thu	27/3/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
506	Lê Thị Thanh Huyền	07/02/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Công nghệ và quản lý Môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
507	Đinh Trà Liên	30/8/1993	Nữ	Thổ	ĐH	Kỹ thuật Môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT	Người DTTS	Tiếng Anh	
508	Võ Anh Ngọc	14/12/1991	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm MT	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
509	Nguyễn Phúc Hưng	04/6/1991	Nam	Kinh	ThS	Khoa học môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
510	Mai Trọng Quang Linh	08/12/1994	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
511	Nguyễn Thị Huyền	27/12/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường - Mô hình hóa môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
512	Lê Thị Trang	26/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý Tài nguyên và MT	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
513	Lê Xuân Nhật	26/8/1990	Nam	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Tiếng Anh	
IX	Ban Dân tộc (08)											
514	Lê Thị Quỳnh Anh	29/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Xây dựng	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam
515	Lê Hồng Ngọc	02/3/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế Xây dựng	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Tiếng Anh	
516	Nguyễn Hữu Biên	09/01/1989	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Cầu đường	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Tiếng Anh	
517	Bùi Khắc Dũng	10/5/1993	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế Xây dựng	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Tiếng Anh	
518	Lê Văn Ngón	13/5/1983	Nam	Kinh	ĐH	Công trình thủy lợi	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Tiếng Anh	
519	Nguyễn Cao Chí	11/02/1994	Nam	Mường	ĐH	Kinh tế Xây dựng	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Người DTTS	Tiếng Anh	
520	Nguyễn Anh Đức	27/8/1985	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Tiếng Anh	
521	Nguyễn Ngọc Hưng	10/4/1985	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Cầu đường	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
X	Văn phòng HĐND tỉnh (16)											
522	Đinh Việt Anh	17/5/1997	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý đất đai	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Người DTTS	Tiếng Anh	
523	Lê Hải Đăng	04/7/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
524	Vũ Thị Mai	03/8/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Môi trường	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
525	Đỗ Thị Ngọc Mai	13/7/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
526	Đỗ Thiện Hòa	10/5/1984	Nam	Kinh	ThS	Quản lý đất đai	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Con TB	Tiếng Anh	
527	Vũ Thị Kim	10/6/1996	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Người DTTS	Tiếng Anh	
528	Nguyễn Như Quỳnh	13/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
529	Bùi Thị Thương	25/12/1996	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Người DTTS	Tiếng Anh	
530	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/6/1991	Nữ	Kinh	ThS	Nước, môi trường, hải dương học	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Con TB		Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
531	Mai Thế Thông	24/11/1988	Nam	Kinh	ThS	Quản lý tài nguyên và môi trường	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
532	Nguyễn Trung Đông	03/3/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
533	Đinh Lê Trà My	29/9/1989	Nữ	Mường	ThS	Kế toán và tài chính	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Người DTTS		Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
534	Đỗ Tuấn Vũ	23/7/1993	Nam	Kinh	ThS	Quản trị tài chính	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
535	Trịnh Thị Minh Tâm	04/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Con liệt sĩ	Tiếng Anh	
536	Vũ Thanh Xuân	24/3/1997	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
537	Cao Lan Phương	26/3/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế và tài chính	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
XI	Sở Tài nguyên và MT (06)											
538	Lê Thị Hương	20/01/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế đầu tư	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
539	Cao Thị Hồng Anh	13/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế đầu tư	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
540	Trịnh Thị Thủy Linh	30/7/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế đầu tư	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
541	Trương Thị Thềm	16/6/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế đầu tư	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
542	Lò Vương Anh	12/12/1996	Nam	Thái	ĐH	Kinh tế đầu tư	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	Tiếng Anh	
543	Lê Thị Hồng	25/10/1992	Nữ	Kinh	ThS	Kinh tế đầu tư	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
XII	Sở Kế hoạch và Đầu tư (04)											
544	Triệu Ngân Hà	11/3/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế quốc tế	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
545	Trịnh Hà Hằng	25/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế và phát triển quốc tế	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp			Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chỉ cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miền thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
546	Nguyễn Thị Hạnh	06/12/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế quốc tế	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
547	Nguyễn Hà Phương	27/11/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế quốc tế	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh	
B	Cấp huyện (454)											
XIII	UBND TP. Sầm Sơn (53)											
548	Lê Thị Thủy An	20/7/1990	Nữ	Kinh	ThS	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
549	Hoàng Thủy An	01/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
550	Nguyễn Thị Kim Anh	18/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
551	Trần Thị Vân Anh	20/11/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
552	Nguyễn Văn Việt Anh	18/11/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
553	Nguyễn Thị Ánh	26/11/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
554	Lại Thanh Bình	08/9/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
555	Trịnh Linh Chi	08/01/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
556	Nguyễn Thị Dung	15/12/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
557	Lê Xuân Dũng	03/8/1986	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai và môi trường	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
558	Nguyễn Văn Đăng	25/6/1990	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
559	Trịnh Xuân Đức	13/01/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
560	Nguyễn Đình Lộc	17/9/1992	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
561	Nguyễn Thị Liên	03/7/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
562	Nguyễn Thị Ngọc Mai	25/6/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
563	Phùng Tuấn Nam	19/10/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
564	Cao Minh Phương	21/7/1992	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Con BB	Tiếng Anh	
565	Trần Hồng Quân	18/11/1993	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
566	Lê Thị Quyền	07/5/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
567	Trần Tất Dương	27/6/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ	Hoàn thành nghĩa vụ QS	Tiếng Anh	
568	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09/3/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	
569	Lê Thị Lái	08/01/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	
570	Dư Thanh Hoàng Tuấn	07/11/1997	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	
571	Đặng Kim Oanh	06/11/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Bác sỹ Y học dự phòng	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	24.2.47	Phòng Y tế		Tiếng Anh	
572	Hoàng Thị Hồng Anh	21/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
573	Lê Phương Anh	08/9/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
574	Phạm Ngọc Dũng	09/8/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
575	Lê Thị Trà Giang	14/3/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
576	Lương Thị Hằng	03/01/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con TB	Tiếng Anh	
577	Lê Thị Thanh Huyền	11/10/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
578	Hà Thị Lan Hương	12/8/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
579	Ngô Mai Hương	02/10/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
580	Tổng Thị Hiền	14/4/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
581	Lê Thị Mai Khanh	28/9/1987	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán tổng hợp	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
582	Bùi Thị Liên	19/02/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
583	Nguyễn Thị Liên	23/4/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con TB	Tiếng Anh	
584	Nguyễn Thị Thủy Liên	25/11/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
585	Nguyễn Thủy Linh	06/3/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kiểm toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
586	Lê Hoàng Minh	16/01/1996	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
587	Ngô Thị Thủy Nga	15/4/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
588	Đào Thị Nhung	30/9/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán - Kiểm toán	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
589	Nguyễn Thị Hoa Phương	01/7/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con TB	Tiếng Anh	
590	Cao Ngọc Minh	27/6/1992	Nam	Kinh	ĐH	Thẩm định giá	Quản lý kế hoạch và đầu tư	24.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
591	Đàm Lê Đức Anh	29/10/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
592	Nguyễn Thái Bình	12/12/1988	Nam	Kinh	ThS	Xây dựng đường bộ; Xây dựng đường ô tô và đường thành phố	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
593	Đỗ Công Liêm	05/7/1984	Nam	Kinh	ĐH	Quy hoạch và quản lý giao thông đô thị	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị	Con TB	Tiếng Anh	
594	Cao Hoàng Linh	01/8/1988	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng công trình cầu - đường	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
595	Hoàng Mạnh Long	24/12/1991	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng công trình giao thông	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
596	Đặng Thanh Sơn	25/10/1991	Nam	Kinh	ĐH	Công trình giao thông thành phố	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
597	Nguyễn Thị Thắm	23/01/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
598	Đàm Đức Thiện	20/7/1988	Nam	Kinh	ĐH	Vận tải - Kinh tế đường sắt	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị	Con TB	Tiếng Anh	
599	Mai Thị Tường	17/02/1985	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật hạ tầng đô thị	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
600	Trần Văn Tiến	15/02/1989	Nam	Kinh	ĐH	Công trình giao thông thành phố	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		Tiếng Anh	
XIV	UBND huyện Nga Sơn (06)											

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
601	Lê Thị Mai	12/10/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
602	Mai Thị Thanh	25/11/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
603	Lưu Thị Phương	09/5/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Phát triển nông thôn	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
604	Lê Mạnh Linh	30/10/1996	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
605	Nguyễn Văn Thắng	04/5/1985	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý giao thông vận tải	23.2.26	Phòng Kinh tế & Hạ tầng		Tiếng Anh	
606	Dương Đình Sơn	15/8/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý giao thông vận tải	23.2.26	Phòng Kinh tế & Hạ tầng		Tiếng Anh	
XV	UBND huyện Hậu Lộc (31)											
607	Nguyễn Như Quỳnh	16/12/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
608	Nguyễn Duy Khánh	07/9/1994	Nam	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
609	Mai Thị Viên	15/4/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
610	Trương Thị Hồng	21/6/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
611	Đỗ Thị Bích	10/6/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
612	Lưu Hà Trang	15/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
613	Tăng Thị Hằng	20/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
614	Phạm Thùy Linh	20/11/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
615	Hoàng Thị Nguyệt	06/9/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
616	Hà Vĩ Loan	20/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
617	Nguyễn Thị Đào	20/11/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Pháp Luật kinh tế	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND	Con BB	Tiếng Anh	
618	Đinh Thị Hiền	15/12/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
619	Mai Văn Anh	17/8/1987	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
620	Lê Như Quỳnh	01/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Lưu trữ học và Quản trị VP	Văn Thư	23.3.9	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
621	Trần Thanh Huyền	27/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Lưu trữ học	Văn Thư	23.3.9	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
622	Nguyễn Văn Thành	10/12/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
623	Nguyễn Anh Tuấn	04/7/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
624	Đỗ Thị Thanh	10/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
625	Nguyễn Thị Thanh	23/7/1990	Nữ	Kinh	ThS	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
626	Nguyễn Thị Hà	04/10/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
627	Lê Thị Hương	16/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
628	Đào Việt Dũng	20/7/1987	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng đường thủy	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
629	Trần Văn Thành	06/5/1987	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Công trình biển	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
630	Lê Thị Tâm	10/5/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán & Thanh toán NHTM	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
631	Bùi Thị Minh Anh	02/9/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính Quốc tế	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
632	Nguyễn Bá Điệp	09/9/1991	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
633	Mai Quốc Hữu	05/8/1991	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
634	Tổng Thị Trang	13/8/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
635	Phạm Minh Quang	05/3/1992	Nam	Kinh	ThS	Kinh tế kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH			Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
636	Lê Thị Phương Thảo	09/11/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
637	Lê Xuân Sơn	26/3/1997	Nam	Kinh	ĐH	Ngân hàng	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
XVI UBND huyện Nông Cống (10)												
638	Bùi Anh Tuấn	04/5/1985	Nam	Kinh	ĐH	Kiến trúc sư	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
639	Nguyễn Công Thắng	05/8/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kiến trúc sư	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
640	Lê Ngọc Phước	16/10/1986	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND	Con TB	Tiếng Anh	
641	Nguyễn Đông Anh	23/12/1996	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
642	Quách Thị Dung Nhi	03/7/1996	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	Tiếng Anh	
643	Nguyễn Thị Diệu	02/5/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
644	Hoàng Thị Hiền Thu	05/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND	Con của người HDKC bị nhiễm chất độc HH	Tiếng Anh	
645	Lê Thị Thảo Ngọc	06/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND			
646	Ngô Thị Văn Anh	25/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
647	Nguyễn Thị Văn Anh	03/12/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
XVII UBND huyện Hoằng Hóa (21)												
648	Lưu Thị Kim Dung	08/01/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
649	Lại Thị Dung	02/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
650	Mai Thị Hằng	25/9/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
651	Lê Đức Hợp	15/6/1988	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
652	Dương Thị Lan	24/8/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính-Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
653	Lê Thị Linh	30/12/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
654	Hoàng Văn Long	22/4/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
655	Lê Thanh Nga	28/4/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
656	Lê Thị Nga	03/4/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
657	Phan Ánh Nguyệt	26/4/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
658	Tổng Thị Thảo	14/8/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
659	Lê Bá Tuấn	19/11/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
660	Lê Thị Hoài Thu	04/02/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý Tài chính - Ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
661	Lê Tuấn Anh	20/6/1989	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
662	Trương Đức Đạt	09/9/1984	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
663	Trần Văn Duy	18/4/1990	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
664	Lương Tuấn Linh	13/10/1995	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường bộ	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
665	Nguyễn Ngọc Sơn	23/8/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
666	Nguyễn Trọng Thâm	18/11/1986	Nam	Kinh	ThS	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
667	Trương Văn Tùng	12/5/1990	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
668	Lê Xuân Tùng	20/11/1985	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
XVIII	UBND huyện Hà Trung (09)											
669	Phạm Việt Hùng	15/5/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
670	Nguyễn Trần Vũ	06/7/1993	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
671	Nguyễn Văn Toàn	03/5/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
672	Trịnh Ngọc Thắng	05/01/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
673	Nguyễn Chí Công	12/10/1990	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con BB	Tiếng Anh	
674	Lê Văn Duyệt	07/02/1982	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
675	Phí Thị Duyên	01/01/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Quản lý thủy lợi (đê điều, phòng chống lụt bão)	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Con TB	Tiếng Anh	
676	Nguyễn Văn Minh	02/6/1987	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý thủy lợi (đê điều, phòng chống lụt bão)	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
677	Mai Thanh Hà	24/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý thủy lợi (đê điều, phòng chống lụt bão)	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
XIX	UBND huyện Đông Sơn (06)											

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
678	Lê Thị Dung	01/01/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính Doanh nghiệp	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
679	Nguyễn Thị Khánh Huyền	02/11/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính Doanh nghiệp	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
680	Đỗ Thị Phương	27/02/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính Doanh nghiệp	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
681	Doãn Thị Quỳnh Mai	08/7/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính Doanh nghiệp	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
682	Nguyễn Việt Hoàng	15/10/1990	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính Doanh nghiệp	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
683	Hoàng Thị Chinh	22/10/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Y Tế công cộng	Quản lý Y tế cơ sở và Y tế dự phòng	23.2.48	Phòng Y tế		Tiếng Anh	
XX	UBND huyện Yên Định (18)											
684	Trình Thị Khuyên	18/9/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con TB	Tiếng Anh	
685	Lê Đình Ngọc	25/11/1985	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
686	Hoàng Văn Đức	28/8/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
687	Nguyễn Thị Tuyết	23/3/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
688	Nguyễn Thanh Tâm	13/01/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
689	Phạm Thị Anh Đào	13/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
690	Dương Văn Mạnh	20/3/1993	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
691	Lê Ngọc Anh	31/3/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
692	Lê Thu Dung	15/7/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
693	Nguyễn Duy Nhật	08/7/1995	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
694	Nguyễn Thị Bích Ngọc	29/9/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật thương mại quốc tế	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
695	Nguyễn Thị Kim Tiến	13/01/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Chính trị luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
696	Ngô Thị Thu Trang	21/3/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
697	Nguyễn Khánh Linh	20/6/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
698	Phạm Thị Huệ	20/12/1991	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp	Người DTTS	Tiếng Anh	
699	Lê Thị Ngọc Mai	11/10/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
700	Trịnh Thị Hà Trang	26/3/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
701	Phạm Thị Như Trang	11/01/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
XXI	UBND huyện Vĩnh Lộc (05)											
702	Trịnh Bá Linh	18/8/1986	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
703	Lê Anh Lực	24/9/1984	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
704	Lê Trung Dũng	20/8/1984	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Cầu - Đường	Quản lý Giao thông vận tải	23.2.26	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con TB	Tiếng Anh	
705	Trịnh Tuấn Vũ	15/5/1984	Nam	Kinh	ĐH	Công trình thủy lợi	Quản lý về thủy lợi	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
706	Phạm Văn Thọ	10/11/1994	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý về thủy lợi	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
XXII	UBND huyện Thạch Thành (31)											
707	Ngô Thị Thủy Dung	08/4/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Công trình	Quản lý về Thủy lợi (đê điều, phòng chống lụt bão)	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
708	Hoàng Thị Quyên	08/6/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học cây trồng	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
709	Hoàng Thị Hồng	02/12/1983	Nữ	Kinh	ĐH	Trồng trọt	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
710	Đào Thị Khang	19/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Phát triển nông thôn	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
711	Lương Thị Lưu	22/01/1993	Nữ	Thái	ĐH	Nông nghiệp	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
712	Lê Thị Na	02/9/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Phát triển nông thôn	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
713	Quách Thị Thoa	26/6/1992	Nữ	Mường	ĐH	Kinh tế và Phát triển Nông thôn	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
714	Lê Minh Thắng	01/6/1988	Nam	Kinh	ĐH	Khuyến nông và PTNT	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
715	Lê Hà Mai	24/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học cây trồng	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
716	Hồ Hữu Lượng	03/9/1993	Nam	Kinh	ĐH	Phát triển nông thôn	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
717	Lê Ngọc Hiền	07/5/1988	Nam	Kinh	ĐH	Khuyến nông PTNT	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
718	Phạm Hương Quỳnh	06/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế Quốc tế	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
719	Lê Kim Anh	15/4/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế Quốc tế	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
720	Hà Thị Hà	24/6/1995	Nữ	Thái	ĐH	Kinh tế Quốc tế	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
721	Nguyễn Thị Linh	08/3/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh Doanh Quốc tế	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		Tiếng Anh	
722	Chu Thị Hồng Thu	01/6/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
723	Lê Lan Anh	25/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
724	Trịnh Thị Trang	02/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
725	Lưu Văn Đạt	07/6/1982	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
726	Trương Hồng Quyền	06/6/1992	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
727	Đinh Thị Thủy	19/5/1978	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
728	Lê Minh Huyền	10/11/1996	Nữ	Mường	ĐH	Khoa học Môi trường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
729	Nguyễn Thị Hiền	20/4/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật Môi trường, khoa học môi trường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
730	Phạm Quang Vũ	19/4/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Môi trường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
731	Nguyễn Thị Loan	01/02/1993	Nữ	Mường	ĐH	Khoa học Môi trường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
732	Nguyễn Trường Giang	05/12/1989	Nam	Kinh	ThS	Khoa học Môi trường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
733	Trịnh Thị Vân Anh	21/9/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Khoa học Môi trường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
734	Cao Đức Chung	23/12/1990	Nam	Mường	ĐH	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
735	Lê Văn Thắng	20/3/1994	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
736	Nguyễn Thị Hoàng Mai	07/10/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
737	Hoàng Văn Hiệp	19/8/1987	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
XXIII	UBND huyện Như Thanh (05)											
738	Lê Ngọc Khánh	01/5/1992	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế phát triển	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
739	Bùi Trung Đức	24/5/1993	Nam	Mường	ĐH	Kinh tế phát triển	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
740	Lê Thanh Tùng	07/7/1996	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
741	Nguyễn Thị Lý	26/9/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế lao động	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
742	Nguyễn Trà My	07/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
XXIV	UBND huyện Bá Thước (43)											
743	Phạm Ngọc Sơn	02/01/1992	Nam	Mường	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
744	Đào Đức Anh	01/9/1995	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
745	Nguyễn Thị Nhan	23/12/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
746	Hoàng Thái Ngân	25/3/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
747	Lô Tuấn Nam	21/7/1996	Nam	Thái	ĐH	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
748	Vì Thị Yến	19/3/1995	Nữ	Thái	ĐH	Công nghệ sinh học	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
749	Phạm Hồng Sơn	05/9/1990	Nam	Mường	ĐH	Chăn nuôi Thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
750	Lê Xuân Phước	22/12/1983	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
751	Lê Minh Đức	12/3/1997	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
752	Nguyễn Thị Quyên	01/11/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
753	Nguyễn Công Đức Anh	03/11/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế và quản lý đô thị	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
754	Trịnh Minh Thanh	10/10/1990	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
755	Nguyễn Tuấn Anh	20/11/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý Xây dựng	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con Liệt sĩ	Tiếng Anh	
756	Nguyễn Đức Trung	05/6/1989	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
757	Lê Đức Anh	24/7/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế và Quản lý Môi trường	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
758	Trần Duy Tuấn	04/9/1994	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
759	Nguyễn Văn Ngọc	04/7/1988	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
760	Cao Tuấn Linh	22/12/1993	Nam	Mường	ĐH	Kinh tế và quản lý đô thị	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
761	Cao Văn Thành	03/6/1985	Nam	Thái	ĐH	Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
762	Trương Công Đại	03/02/1992	Nam	Mường	ĐH	Quản lý Kinh tế	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
763	Vì Văn Sao	01/6/1985	Nam	Thái	ĐH	Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
764	Nguyễn Hồng Hạnh	30/10/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế; Kế hoạch phát triển	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
765	Hà Thế Hiền	05/12/1990	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
766	Trương Công Thành	26/8/1994	Nam	Mường	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
767	Hà Diệu Ngân	22/12/1995	Nữ	Mường	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
768	Hà Trọng Hòa	25/01/1992	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
769	Nguyễn Thành Chung	10/3/1990	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
770	Phùng Lê Phương	22/02/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tin học Tài chính kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
771	Lê Hùng Anh	01/10/1988	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
772	Nguyễn Ngọc Dũng	19/5/1997	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính quốc tế	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
773	Lê Bá Quyết	25/11/1989	Nam	Mường	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
774	Lê Thị Quỳnh Anh	20/11/1994	Nữ	Thái	ĐH	Tài chính ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
775	Bùi Thị Quỳnh Trang	07/3/1992	Nữ	Mường	ĐH	Tài chính ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
776	Bùi Thị Hương	26/3/1992	Nữ	Mường	ĐH	Tài chính ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
777	Hà Phương Chung	08/4/1992	Nữ	Thái	ĐH	Tài chính ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
778	Mai Thị Quý	05/8/1992	Nữ	Mường	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
779	Lê Ngọc Quỳnh	03/7/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Tiếng Anh - Tài chính Kế toán	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
780	Trương Thị Giang	10/12/1989	Nữ	Mường	ĐH	Kế toán kiểm toán	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
781	Lê Thị Huyền Linh	07/02/1996	Nữ	Thái	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
782	Bùi Thị Thơm	23/9/1990	Nữ	Mường	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
783	Phạm Văn Tài	03/11/1994	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
784	Phạm Ngọc Anh	26/7/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
785	Phạm Minh Anh	21/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
XXV	UBND huyện Lang Chánh (46)											
786	Nguyễn Minh Đức	08/8/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
787	Cao Đức Hoàng	19/7/1996	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
788	Lâm Thị Hà	02/3/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
789	Lang Đức Tùng	26/3/1997	Nam	Thái	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
790	Hoàng Sỹ Quý	11/01/1991	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
791	Hoàng Thị Hằng	20/6/1994	Nữ	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
792	Nguyễn Thanh Nhân	27/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
793	Lương Thị Thuận	29/5/1985	Nữ	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
794	Nguyễn Xuân Khánh	08/12/1987	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
795	Hà Thị Ngự	19/02/1997	Nữ	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
796	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh	06/01/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
797	Lê Thị Vân	22/02/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
798	Lương Văn Nhất	15/5/1992	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
799	Lê Hồng Minh	01/4/1989	Nam	Mường	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
800	Phạm Văn Duy	02/9/1982	Nam	Mường	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
801	Ngô Thị Hà	01/10/1986	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
802	Đào Minh Đức	05/7/1996	Nam	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
803	Lô Văn Quyền	26/12/1992	Nam	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
804	Hà Thị Hạnh	06/5/1993	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
805	Huỳnh Thị Hằng	30/7/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
806	Vì Thị Thắm	21/11/1993	Nữ	Thái	ĐH	Luật học	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
807	Lữ Thị Thủy	20/02/1993	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
808	Bùi Quý Hùng	20/7/1993	Nam	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
809	Lê Thị Hà	08/02/1995	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
810	Hà Thị Việt	03/10/1992	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
811	Hà Ngọc Trinh	27/7/1994	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
812	Lương Thị Bình	25/9/1997	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
813	Lê Thanh Tâm	08/9/1992	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
814	Vì Thị Hương	21/8/1994	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
815	Bùi Thị Thủy	04/10/1993	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
816	Vì Thị Như Quỳnh	26/10/1993	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
817	Hà Thị Thu Thủy	01/11/1993	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
818	Lương Văn Đạt	13/3/1993	Nam	Thái	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
819	Lê Hoàng Trà My	16/9/1995	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
820	Lê Thu Trang	18/10/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
821	Hà Thị Thủy Linh	08/5/1994	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
822	Vì Thị Luyến	20/12/1995	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
823	Quách Văn Thăng	14/6/1992	Nam	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
824	Trần Hồng Quân	02/11/1996	Nam	Kinh	ĐH	Luật kinh tế	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
825	Hà Thị Thảo	01/12/1995	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
826	Trần Tiến Thắng	20/10/1991	Nam	Kinh	ĐH	Hành chính học	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
827	Ngân Văn Dung	02/7/1993	Nam	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
828	Lê Thị Ngọc Hà	01/8/1993	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
829	Lê Thị Bích Xoan	16/4/1997	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
830	Phạm Thị Ánh Tuyết	24/3/1997	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
831	Lê Danh Tuấn	26/8/1997	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	
XXVI	UBND huyện Ngọc Lặc (79)											
832	Triệu Thị Yến	25/6/1995	Nữ	Dao	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
833	Cao Thị Tứ	07/8/1991	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
834	Lê Thị Hương	16/3/1996	Nữ	Mường	ĐH	Luật Kinh tế	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
835	Trương Thị Minh Huyền	05/5/1992	Nữ	Mường	ĐH	Luật học	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
836	Lại Thế Hùng	26/9/1996	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
837	Lê Thị Hà	02/8/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
838	Hà Thị Nga	20/4/1993	Nữ	Thái	ĐH	Luật học	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
839	Hoàng Ngọc Linh	05/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
840	Lương Thu Dung	02/12/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Luật học	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
841	Trương Diệu Linh	03/02/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
842	Lê Thủy Hương	29/6/1993	Nữ	Mường	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
843	Quách Công Thương	30/10/1994	Nam	Mường	ĐH	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
844	Phạm Thái Hòa	19/02/1996	Nam	Mường	ĐH	Luật Kinh tế	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
845	Phạm Thị Thu Hà	05/9/1988	Nữ	Mường	ĐH	Kinh tế	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
846	Lê Thị Trang	28/02/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
847	Lê Thị Quy	13/10/1988	Nữ	Kinh	ĐH	Kinh tế	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
848	Hà Thị Ánh	04/10/1994	Nữ	Thái	ĐH	Kế toán	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
849	Lê Phương Thảo	05/01/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
850	Phạm Thị Huyền Trang	08/7/1991	Nữ	Mường	ĐH	Tài chính Quốc tế	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
851	Nguyễn Văn Sơn	10/3/1990	Nam	Kinh	ĐH	Hành chính học	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
852	Triệu Minh Chung	03/10/1990	Nam	Đào	ĐH	Luật học	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
853	Hà Thị Loan	26/3/1995	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý Nhà nước	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
854	Lê Văn Hưng	23/3/1993	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
855	Lê Vũ Minh Trang	03/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
856	Trịnh Tùng Linh	04/11/1992	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
857	Cầm Thị Quỳnh Như	27/4/1994	Nữ	Thái	ĐH	Kinh tế	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
858	Phạm Thị Vui	19/11/1992	Nữ	Mường	ĐH	Hành chính học	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
859	Nguyễn Tiến Anh	04/5/1992	Nam	Kinh	ĐH	Tài chính	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		Tiếng Anh	
860	Lê Đăng Linh	08/6/1987	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con TB	Tiếng Anh	
861	Phạm Ngọc Thoan	10/9/1989	Nam	Mường	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
862	Vũ Trọng Duy	11/01/1981	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
863	Hoàng Đình Quý	09/6/1985	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng cầu đường	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
864	Nguyễn Ba	25/01/1987	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con TB	Tiếng Anh	
865	Lê Thanh Liêm	15/01/1995	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
866	Trịnh Văn Định	10/12/1989	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
867	Nguyễn Văn Đình	17/9/1994	Nam	Mường	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
868	Ngô Hữu Giáp	19/3/1994	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
869	Nguyễn Ngọc Sơn	19/9/1988	Nam	Kinh	ĐH	Quy hoạch và quản lý giao thông vận tải đô thị	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
870	Hà Thị Thủy Dung	11/12/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
871	Hoàng Trường Giang	12/12/1993	Nam	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
872	Trần Duy Long Bình	22/12/1989	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng công trình biển	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
873	Lê Văn Thành	10/6/1991	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng Cầu đường	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
874	La Đình Vũ	17/02/1995	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
875	Hà Thị Linh Giang	14/11/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
876	Trần Thị Thu Hà	14/11/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
877	Lê Thị Xuân	10/02/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý Tài chính công	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
878	Phạm Thị Vân	30/9/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
879	Phạm Thị Thu Hằng	22/8/1991	Nữ	Mường	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
880	Vũ Thị Phương	09/4/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
881	Trần Thị Diễm	29/5/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý Tài chính công	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
882	Phạm Thị Thủy	19/5/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
883	Lê Thị Trang	15/6/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
884	Lê Gia Kiên	01/11/1986	Nam	Kinh	ĐH	Kế toán - Kiểm toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
885	Lê Thị Thanh	20/02/1992	Nữ	Thổ	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
886	Bùi Mai Anh	05/02/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Trung	
887	Lữ Thị Bích Thủy	17/10/1990	Nữ	Thái	ĐH	Kiểm toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
888	Bùi Văn Tường	24/02/1992	Nam	Mường	ĐH	Kế toán - Kiểm toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
889	Phạm Văn Hải	05/5/1985	Nam	Mường	ĐH	Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa - Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
890	Quách Thị Thủy	23/01/1993	Nữ	Mường	ĐH	Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
891	Lê Thị Liễu	12/01/1988	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
892	Nguyễn Thị Anh	06/6/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		Tiếng Anh	
893	Chu Việt Minh Dương	15/7/1997	Nam	Thái	ĐH	Quản lý hoạt động tư tưởng văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
894	Lương Văn Quang	19/01/1997	Nam	Thái	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
895	Nguyễn Thị Hường	24/12/1987	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Con TB	Tiếng Anh	
896	Lê Phương Anh	13/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
897	Nguyễn Thị Phương	16/02/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
898	Bùi Thị Hoàn	02/10/1988	Nữ	Mường	ĐH	Khoa học đất	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
899	Lê Thị Huyền Trang	10/10/1994	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
900	Lương Văn Cường	17/4/1995	Nam	Thái	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
901	Lê Thị Trang	09/9/1992	Nữ	Thổ	ĐH	Kinh tế và quản lý địa chính	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
902	Nguyễn Thị Thoan	10/7/1987	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Con TB	Tiếng Anh	
903	Lê Thị Mai Lê	28/11/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
904	Phạm Văn Huỳnh	06/9/1984	Nam	Mường	ĐH	Địa chính	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
905	Phạm Thị Vân	06/02/1996	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
906	Trịnh Thị Việt Linh	08/11/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
907	Trịnh Phương Linh	25/9/1997	Nữ	Mường	ĐH	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
908	Phạm Thị Hằng	30/6/1993	Nữ	Mường	ĐH	Định hướng quản lý tài nguyên - Môi trường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
909	Nguyễn Quốc Khánh	10/01/1991	Nam	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
910	Hoàng Đình Đạt	09/10/1994	Nam	Thái	ĐH	Khoa học môi trường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
XXVII	UBND huyện Thương Xuân (29)											
911	Trần Thị Thánh	05/7/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý văn hóa - nghệ thuật	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		Tiếng Anh	
912	Cầm Huyền Trang	26/10/1994	Nữ	Thái	ĐH	Thông tin đối ngoại	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
913	Lô Thị Hà	14/10/1997	Nữ	Thái	ĐH	Văn hóa các DTTS Việt Nam	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
914	Nguyễn Thị Xinh	10/10/1992	Nữ	Kinh	ĐH	Việt Nam học	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		Tiếng Anh	Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
915	Đỗ Thị Hương Linh	03/01/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		Tiếng Anh	
916	Hà Thị Xuân	14/02/1990	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
917	Lê Thị Phương	20/5/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Văn hóa dân tộc	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
918	Hà Minh Anh	06/10/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý hoạt động tư tưởng văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		Tiếng Anh	
919	Lê Thị Hương	04/7/1987	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
920	Mai Ngọc Cường	12/5/1989	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
921	Trần Tiến Chung	30/4/1989	Nam	Kinh	ĐH	Kinh tế Xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
922	Lê Sĩ Thắng	10/5/1992	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con TB	Tiếng Anh	
923	Trần Tuấn Anh	27/02/1991	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
924	Đỗ Thành Tâm	16/01/1996	Nam	Kinh	ĐH	Quản trị nhân sự	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
925	Hà Thị Phương	31/3/1995	Nữ	Thái	ĐH	Xã hội học	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
926	Cô Thị Hương	28/11/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Công tác xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
927	Lê Thị Huyền	09/12/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Quản trị nhân lực	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
928	Lê Thị Hường	19/5/1991	Nữ	Kinh	ĐH	Công tác xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
929	Lô Thị Hằng	12/7/1997	Nữ	Thái	ĐH	Công tác xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
930	Hà Thị Hoài	08/10/1992	Nữ	Thái	ĐH	Xã hội học	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
931	Trịnh Thị Huệ	20/8/1990	Nữ	Kinh	ĐH	Công tác xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh	
932	Cầm Thị Ly	14/02/1992	Nữ	Thái	ĐH	Xã hội học	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
933	Hà Thị Hoa	20/5/1992	Nữ	Thái	ĐH	Công tác xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
934	Lê Thị Thảo	12/8/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Quản lý xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
935	Quách Thị Đăng	19/5/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Công tác xã hội	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
936	Bùi Thị Tú	02/6/1994	Nữ	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
937	Hoàng Thị Lai	05/6/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
938	Cầm Thị Thanh	06/5/1989	Nữ	Thái	ThS	Kinh tế nông nghiệp	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
939	Nguyễn Thiên Toàn	16/10/1987	Nam	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
XXVIII UBND huyện Quan Hóa (09)												
940	Hàn Thị Hường	15/4/1996	Nữ	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		Tiếng Anh	
941	Lương Thị Quý	22/12/1994	Nữ	Mường	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
942	Hà Văn Quang	03/5/1992	Nam	Mường	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
943	Nguyễn Thị Hồng Duyên	30/6/1984	Nữ	Kinh	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
944	Đỗ Phi Cường	15/02/1985	Nam	Kinh	ĐH	Kiến trúc	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
945	Trịnh Đình Lực	12/9/1992	Nam	Kinh	ĐH	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
946	Hà Thái An	17/02/1991	Nam	Thái	ĐH	Kiến trúc công trình	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
947	Hà Hữu Hòa	22/12/1987	Nam	Thái	ĐH	Xây dựng Cầu - Đường bộ	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
948	Hà Thị Nghiệp	16/8/1993	Nữ	Thái	ĐH	Kinh tế xây dựng công trình giao thông	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
XXIX	UBND huyện Quan Sơn (12)											
949	Lương Thị Chung	10/3/1992	Nữ	Thái	ĐH	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
950	Lương Thị Hân	10/02/1994	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước về Văn hóa dân tộc thiểu số	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
951	Lê Thị Hưng	10/02/1991	Nữ	Thái	ĐH	Sư phạm Tin học	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
952	Hoàng Văn Vinh	10/11/1983	Nam	Kinh	ĐH	Tin học	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin			Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS
953	Hoàng Mạnh Linh	01/6/1991	Nam	Kinh	ThS	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
954	Trịnh Quang Thành	07/11/1992	Nam	Kinh	ĐH	Địa chính	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	Con TB	Tiếng Anh	
955	Ngân Văn Hiếu	17/12/1995	Nam	Thái	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
956	Vì Thị Thi	04/11/1989	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
957	Nguyễn Thị Linh	07/01/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường		Tiếng Anh	
958	Hà Chí Linh	13/5/1992	Nam	Thái	ĐH	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
959	Hà Văn Tuyền	01/6/1991	Nam	Thái	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
960	Phạm Phú Đạt	01/6/1989	Nam	Kinh	ĐH	Xây dựng công trình	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	
XXX	UBND huyện Mường Lát (41)											
961	Ngân Quang Đại	07/11/1986	Nam	Thái	ĐH	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
962	Hà Thị Anh	22/3/1983	Nữ	Thái	ĐH	Tin học	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
963	Hờ Chữ Pô	13/5/1990	Nam	Mông	ĐH	Mạng máy tính và truyền thông	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
964	Lương Thị Điện	25/12/1991	Nữ	Mường	ĐH	Mạng máy tính và truyền thông	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
965	Hàng A Sinh	19/5/1996	Nam	Mông	ĐH	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
966	Lương Thị Mai	08/12/1991	Nữ	Mường	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
967	Phạm Tùng Dương	12/4/1996	Nam	Thái	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
968	Lê Tú Tâm	23/02/1992	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
969	Hà Thị Ngân	06/4/1996	Nữ	Thái	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
970	Sùng A Hổ	10/6/1996	Nam	Mông	ĐH	Luật	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
971	Ngô Văn Trường	19/8/1994	Nam	Kinh	ĐH	Luật	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	
972	Nguyễn Thị Quang	10/10/1993	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp		Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
973	Trịnh Thị Như Quỳnh	26/8/1997	Nữ	Thai	ĐH	Luật	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
974	Đỗ Thị Thanh Hằng	04/3/1996	Nữ	Tây	ĐH	Luật	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
975	Vì Thị Liệt	01/6/1992	Nữ	Thai	ĐH	Luật	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
976	Ngân Thị Nguyễn	12/5/1995	Nữ	Mường	ĐH	Luật Kinh tế	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
977	Hà Văn Hải	22/01/1993	Nam	Thai	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
978	Phạm Ngọc Hà	24/3/1997	Nữ	Thai	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
979	Vì Thị Thúc	17/8/1995	Nữ	Thai	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
980	Cao Thị Duyên	28/01/1993	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
981	Phạm Thị Hiền	20/10/1996	Nữ	Thai	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
982	Sùng A Khua	01/01/1997	Nam	Mông	ĐH	Luật	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
983	Bùi Văn Hùng	20/6/1994	Nam	Kinh	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	
984	Ngân Thị Trà Mĩ	05/9/1991	Nữ	Thai	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
985	Hà Bích Phượng	27/7/1997	Nữ	Thái	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
986	Vì Thị Danh	28/01/1997	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước về xã hội	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
987	Hà Linh Trang	20/12/1996	Nữ	Thái	ĐH	Quản trị nhân lực	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
988	Hà Thị Huyền	01/7/1997	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
989	Va Tiến Dũng	29/02/1996	Nam	Mông	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
990	Vũ Thị Thanh Phương	21/8/1997	Nữ	Kinh	ĐH	Luật	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh	
991	Cao Thị Nguyệt Nga	18/12/1996	Nữ	Mường	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
992	Lô Thị Toán	09/12/1995	Nữ	Thái	ĐH	Luật	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
993	Nguyễn Quang Tuấn	04/5/1989	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
994	Phạm Thị Thảo	19/7/1997	Nữ	Thái	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
995	Lê Thị Phương	25/11/1989	Nữ	Kinh	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
996	Phan Đình Khải	06/12/1991	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
997	Vì Văn Hiệng	27/9/1985	Nam	Thái	ĐH	Kế toán	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ	
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
998	Vi Nữ Thùy Trang	20/3/1995	Nữ	Kinh	ĐH	Tài chính công	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Tiếng Anh	
999	Lương Văn Xăng	09/10/1990	Nam	Thái	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
1000	Vi Thị Phương	14/01/1996	Nữ	Thái	ĐH	Chăn nuôi thú y	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS
1001	Hà Thị Nhung	19/5/1992	Nữ	Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS		Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS là người DTTS

(Danh sách này gồm có 1.001 người)

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: **4412** /QĐ-UBND ngày **28** /10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục số 02

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ		Ghi chú
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Sở Y tế (01)												
1	Mai Thị Thủy Ngân	08/5/1987	Nữ	Kinh	Học viện Bảo chi và tuyên truyền	Ngành Bảo chi; Chuyên ngành Thông tin đối ngoại	Hành chính tổng hợp	16.3.2	Văn phòng		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
II	Ban QL Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu CN (03)												
2	Ngô Quang Mạnh	03/02/1981	Nam	Kinh	Đại học Hàng Hải	Ngành Kinh tế vận tải biển; Chuyên ngành Kinh tế vận tải biển	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
3	Nguyễn Tất Thịnh	25/5/1993	Nam	Kinh	Đại học Hồng Đức	Chuyên ngành Địa lý học (định hướng quản lý Tài nguyên môi trường)	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
4	Nguyễn Thị Hằng	08/5/1994	Nữ	Kinh	Đại học Hồng Đức	Chuyên ngành Địa lý học (định hướng quản lý Tài nguyên môi trường)	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
III	Văn phòng HĐND tỉnh (01)												
5	Lê Ngọc Tân	05/10/1994	Nam	Kinh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngành Kế hoạch và Phát triển; Chuyên ngành Kế hoạch	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
IV	UBND huyện Hậu Lộc (03)												
6	Nguyễn Thị Nga	16/12/1991	Nữ	Kinh	Học viện Tài chính	Ngành tài chính ngân hàng; Chuyên ngành Hải quan	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
7	Lưu Thị Linh	02/6/1990	Nữ	Kinh	Học viện Tài chính	Ngành tài chính ngân hàng; Chuyên ngành Hải quan	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký thi môn ngoại ngữ		Ghi chú
											Môn thi	Miễn thi môn ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
8	Phạm Thị Kim Ngân	31/7/1994	Nữ	Kinh	Học viện Tài chính	Ngành tài chính ngân hàng; Chuyên ngành Thuế	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
V	UBND huyện Thường Xuân (02)												
9	Nguyễn Ngọc Tuấn	10/9/1992	Nam	Kinh	Đại học Xây dựng	Ngành Kỹ thuật cơ khí; Chuyên ngành Máy xây dựng	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		Tiếng Anh	Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng DTTS có chứng chỉ tiếng DTTS	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển
VI	UBND huyện Mường Lát (01)												
10	Đoàn Thị Bình	11/9/1989	Nữ	Kinh	Đại học Hồng Đức	Tâm lý học (Định hướng Quản trị nhân sự)	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ		Tiếng Anh		Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển

(Danh sách này gồm có 10 người)